TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng.

2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 603/2026/HNGĐ-ST ngày 16/6/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1979; thường trú: Số B tổ A, ấp B, xã X, Thành phố Đ; tạm trú: Số D hẻm C N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982; thường trú: Khối T, phường T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số D hẻm C N, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 405/2020, cấp ngày 17/12/2020.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Lê Thị Kim L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2020 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, chưa đến mức trầm trọng. Khoảng cuối năm 2025, ông T bị bắt tạm giam về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà L, mong muốn đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Xét thấy có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Đình T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L, cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Đình T; không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung do các đương sự xác định không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình T. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Nguyễn Đình T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 405/2020, cấp ngày 17/12/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà L cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn. Ông T cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng; việc vợ chồng sống ly thân là do ông bị bắt tạm giam từ cuối năm 2025 và ông vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả hòa giải tại Tòa án, có cơ sở xác định bà L kiên quyết xin ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặc dù ông T không đồng ý ly hôn, nhưng việc ông đang bị tạm giam khiến vợ chồng không còn điều kiện chung sống; đồng thời, quá trình giải quyết vụ án không thể hiện các bên có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân khi một bên kiên quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân không còn bảo đảm mục đích của hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Các đương sự đều xác định trong thời kỳ hôn nhân không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0037215 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Long Bình, Thành phố Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm